

Họ và tên học sinh: Lớp:.....SBD:.....

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Cây truyền phôi là:

- A. Quá trình đưa phôi từ bò cho phôi sang bò nhận phôi, con sinh ra giống với bò cho phôi
- B. Quá trình đưa phôi từ bò cho phôi sang bò nhận phôi thì phôi vẫn sống và phát triển tốt, con sinh ra giống bò nhận phôi
- C. Quá trình đưa phôi từ bò nhận phôi sang bò cho phôi thì phôi vẫn sống và phát triển tốt, con sinh ra giống bò cho phôi
- D. Quá trình đưa phôi từ bò nhận phôi sang bò cho phôi, con sinh ra giống bò nhận phôi

Câu 2: Các bước trong phương pháp chọn lọc cá thể được sắp xếp theo thứ tự:

- A. Kiểm tra đời sau=> chọn lọc bản thân=> chọn lọc tổ tiên
- B. Chọn lọc bản thân=> chọn lọc tổ tiên=> kiểm tra đời sau
- C. Chọn lọc tổ tiên=> kiểm tra đời sau=> chọn lọc bản thân
- D. Chọn lọc tổ tiên=> chọn lọc bản thân=> kiểm tra đời sau

Câu 3: Chọn lọc hàng loạt có ưu điểm là:

- A. Tốn kém B. Hiệu quả cao
- C. Nhanh, đơn giản, dễ thực hiện
- D. Hiệu quả không cao

Câu 4: Em hiểu thế nào là “tính biệt”?

- A. Giai đoạn phát triển B. Lứa tuổi
- C. Giới tính D. Khả năng sinh sản

Câu 5: Cơ sở khoa học của cây truyền phôi là:

- A. Hiện tượng động dục và gây rụng trứng hàng loạt
- B. Sự đồng pha và gây rụng trứng hàng loạt
- C. Hiện tượng giao phối và thụ tinh tạo hợp tử
- D. Khả năng sinh trưởng và phát triển của phôi

Câu 6: Hệ thống nhân giống hình tháp có bao nhiêu đặc điểm?

- A. 3 B. 4 C. 1 D. 2

Câu 7: Trong các loại thức ăn sau: Bột cá, đậu đỗ, khô dầu, khoai. Thức ăn nghèo protein nhất là:

- A. Khô dầu B. Đậu đỗ
- C. Khoai D. Bột cá

Câu 8: Quy trình nào đúng theo thứ tự sản xuất cá giống?

- A. Chọn lọc và nuôi dưỡng cá bố mẹ → cho cá đẻ → ấp trứng, cá giống → chọn lọc và chuyển sang nuôi giai đoạn sau tùy mục đích.

B. Chọn cá đẻ → cho cá đẻ tự nhiên → ấp trứng, nuôi cá bột, cá hương, cá giống → chọn lọc và chuyển sang nuôi giai đoạn sau.

C. Chọn lọc và nuôi dưỡng cá bố mẹ → cho cá đẻ (tự nhiên hoặc nhân tạo) → ương nuôi cá bột, cá hương, cá giống → chọn lọc và chuyển sang nuôi giai đoạn sau tùy mục đích.

D. Chọn lọc và nuôi dưỡng cá bố mẹ → cho cá đẻ → ấp trứng, ương nuôi cá bột, cá hương, cá giống → chọn lọc và chuyển sang nuôi giai đoạn sau tùy mục đích.

Câu 9: Phương pháp nào sau đây là nhân giống thuần chủng?

- A. Cá chép trắng × cá chép Hungari=> cá chép Indônêxia
- B. Lợn Móng Cái (đực) × lợn Lan đơ rat (cái)=> lợn Móng Cái
- C. Lợn Ham sai × lợn Đu rốc (cái)=> lợn ½ Ham sai ½ Đu rốc
- D. Lợn Móng Cái (đực) × lợn Móng Cái (cái)=> lợn Móng Cái

Câu 10: Khả năng làm việc, cho thịt, cho trứng, sữa được gọi là:

- A. Ngoại hình
- B. Khả năng sinh trưởng, phát dục
- C. Sức sản xuất D. Thể chất

Câu 11: Sinh trưởng là:

- A. Sự gia tăng về chất lượng, kích thước cơ thể
- B. Sự gia tăng về khối lượng, kích thước cơ thể
- C. Sự phân hóa các bộ phận, chức năng sinh lý của cơ thể
- D. Sự hoàn thiện các chức năng sinh lý

Câu 12: Ví dụ nào trong các ví dụ sau không phải là ứng dụng của công nghệ tế bào?

- A. Trồng thanh long ruột đỏ
- B. Thụ tinh trong ống nghiệm
- C. Cây truyền phôi
- D. Nhân bản vô tính tạo cừu Dolly

Câu 13: Đàn hạt nhân do đâu mà có:

- A. Do đàn nhân giống sinh ra
- B. Do đàn thương phẩm sinh ra
- C. Được chọn lọc từ đàn giống
- D. Được chọn lọc từ đàn thương phẩm

Câu 14: Ngoại hình là:

- A. Hình dáng của con vật, mang đặc điểm đặc trưng cho loài
- B. Hình dáng bên ngoài con vật dùng để phân biệt giống này với giống khác
- C. Đặc điểm bên trong con vật hay chất lượng bên trong cơ thể
- D. Hình dáng bên ngoài của con vật, mang đặc điểm đặc trưng của giống

Câu 15: Số lượng trong hệ thống nhân giống hình tháp được sắp xếp theo thứ tự:

- A. Đàn nhân giống> đàn hạt nhân> đàn thương phẩm
- B. Đàn thương phẩm> đàn hạt nhân> đàn nhân giống
- C. Đàn thương phẩm> đàn nhân giống> đàn hạt nhân
- D. Đàn hạt nhân> đàn thương phẩm> đàn nhân giống

Câu 16: Nhân giống thuần chủng là:

- A. Cho giao phối giữa hai cá thể đực và cái cùng giống, con sinh ra giống với bố mẹ
- B. Cho giao phối giữa hai cá thể đực và cái khác giống, con sinh ra giống với với mẹ
- C. Cho giao phối đơn thuần giữa các cá thể với nhau
- D. Cho giao phối giữa hai cá thể đực và cái cùng giống, con sinh ra khác với bố mẹ

Câu 17: Sinh trưởng và phát dục ở gia súc có gì khác so với ở cá?

- A. Ở cá có 3 giai đoạn, vật nuôi có 2 giai đoạn
- B. Ở cá có 5 giai đoạn, gia súc có 2 giai đoạn
- C. Ở cá có 2 giai đoạn, vật nuôi có 5 giai đoạn
- D. Ở cá có 2 giai đoạn, vật nuôi có 3 giai đoạn

Câu 18: Sau khi gây rụng trứng ở bò cho phối người ta đã tiến hành các bước nào trong các bước sau:

- A. Cho giao phối với bò đực
- B. Thu phối
- C. Cấy phối cho bò nhận
- D. Bò nhận phối động dục

Câu 19: Đàn có năng suất và điều kiện nuôi dưỡng thấp nhất nhưng trái lại có số lượng vật nuôi nhiều nhất là:

- A. Đàn hạt nhân
- B. Đàn thương phẩm
- C. Đàn nhân giống
- D. Đàn giống

Câu 20: Mục đích của lai giống là:

- A. Tạo ra giống mới; tạo ra đời con có sức sống và sức sản xuất cao hơn
- B. Gia tăng (hoặc phát triển) về số lượng; duy trì, nâng cao chất lượng của giống
- C. Tạo ra giống mới; duy trì, nâng cao chất lượng giống
- D. Gia tăng (hoặc phát triển) về số lượng; tạo ra giống mới

II. TỰ LUẬN (3 điểm):

Câu 1: So sánh ưu và nhược điểm của chọn lọc hàng loạt và chọn lọc cá thể.

Câu 2: Thế nào là nhân giống thuần chủng? Mục đích của nhân giống thuần chủng là gì?

Câu 3: Trình bày cơ sở khoa học của cấy truyền phôi.

Câu 21: Ví dụ nào trong các ví dụ sau đây không thể hiện sự phát dục ở vật nuôi:

- A. Gà mọc cựa
- B. Gà trống gáy
- C. Gà có mào to
- D. Gà trưởng thành cân nặng hơn gà con

Câu 22: Giai đoạn phôi thai ở gia súc gồm các thời kì là:

- A. Bú sữa và sau bú sữa
- B. Tiền phôi, phôi, thai
- C. Tiền phôi, thai, phôi
- D. Phôi, thai, tiền phôi

Câu 23: Ví dụ nào sau đây không phải là yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát dục của cá:

- A. Rong, tảo, thực vật thủy sinh
- B. Sức khỏe của cá
- C. Ao nuôi cá
- D. Nước trong ao

Câu 24: Trong các yếu tố sau yếu tố nào được xem là yếu tố bên trong ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát dục của vật nuôi?

- A. Chăm sóc, quản lí
- B. Môi trường sống
- C. Thức ăn
- D. Tính biệt, tuổi

Câu 25: Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi là:

- A. Lượng thức ăn cung cấp cho vật nuôi để duy trì sự sống hay sản xuất ra các sản phẩm
- B. Lượng thức ăn cần cung cấp cho vật nuôi trong một ngày đêm
- C. Lượng thức ăn được xác định bằng tỉ lệ nhất định
- D. Lượng thức ăn mà con người có khả năng cung cấp cho vật nuôi

Câu 26: Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi sẽ phụ thuộc vào:

- A. Các chỉ số dinh dưỡng
- B. Trạng thái sinh lí, loài, độ tuổi...
- C. Khả năng tiêu hóa
- D. Khẩu phần ăn

Câu 27: Trạng thái sinh lí của bò cho phối phải phù hợp với bò nhận phối hoặc tuổi phối, sự phù hợp này gọi là:

- A. Sự cùng pha.
- B. Sự lệch pha.
- C. Sự đồng pha.
- D. Sự tương đồng.

Câu 28: Năng suất được sắp xếp theo thứ tự : Đàn hạt nhân> đàn nhân giống> đàn thương phẩm chỉ đúng trong trường hợp:

- A. Nhân giống thuần chủng
- B. Lai kinh tế
- C. Lai gây thành
- D. Lai giống

----- HẾT -----